TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ CÚ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/DS-ST
Ngày 30 - 6 - 2022
"V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ CÚ, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Thuône
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Sơn Thị Thiêng
2. Ông Võ Văn Đầy

- Thư ký phiên tòa: Bà Kim Thị Bô Na - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Đoàn Tố Quyên, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 168/2021/TLST- DS, ngày 12 tháng 11 năm 2021 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2022/QĐST-DS, ngày 09 tháng 6 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1,3,4,5,6 Tòa nhà Thaiholdings, số 210 đường Trần Quang Khải, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S - Chức vụ Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh P - Chức vụ Giám đốc chi nhánh Trà Vinh. Ông Nguyễn Thanh P ủy quyền tham gia tố tụng cho ông Trần Hồng Quốc K - Chức vụ Chuyên viên xử lý nợ (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lâm Văn T, sinh năm 1979;

Địa chỉ Khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2021, quá trình tố tụng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B (sau đây được gọi là Ngân hàng B) trình bày: Vào ngày 09/9/2016, Ngân hàng B – Chi nhánh tỉnh Trà

Vinh có cho ông Lâm Văn T vay số tiền 150.000.000 đồng với mục đích vay tiêu dùng theo hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay theo quy định của Ngân hàng tại thời điểm giải ngân, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc trong 60 kỳ vào ngày 10 hàng tháng. Tính đến ngày 10/9/2018, ông T đã trả cho Ngân hàng B số tiền gốc 60.000.222 đồng, lãi suất trong hạn là 29.596.056 đồng và kể từ ngày 21/9/2018 thì ông T đã vi phạm hợp đồng, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã thỏa thuận. Nay Ngân hàng B yêu cầu ông Lâm Văn T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B theo hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 với tổng số tiền tính đến ngày 30/6/2022 là 153.098.778 đồng (trong đó nợ gốc là 89.999.778 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.262.336 đồng và nợ lãi quá hạn là 45.836.290 đồng). Đồng thời, kể từ ngày 01/7/2022 yêu cầu ông Lâm Văn T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B.

Tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn ông Lâm Văn T đã được triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng ông Tánh đều vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Việc tuân theo pháp pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo trình tự, thủ tục tố tụng của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử của vụ án thì chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự; đối với bị đơn thì chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án nhận thấy: Khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng B, ông T có đăng ký địa chỉ thường trú tại khóm 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh Trà Vinh. Tuy nhiên, sau khi ký hợp đồng tín dụng thì ông T đã thay đổi nơi cư trú nhưng không thông báo địa chỉ mới cho Ngân hàng B biết là thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do đó, Tòa án tiến hành thụ lý và tiếp tục giải quyết là đúng theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Lâm Văn T có ký kết hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV với Ngân hàng B để vay số tiền 150.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng. Ngày 09/9/2016 Ngân hàng B đã giải ngân cho ông T với số tiền 150.000.000 đồng. Từ ngày 10/10/2016 đến ngày 10/9/2018 ông T đã trả nợ gốc cho Ngân hàng được 24 kỳ với số tiền 60.000.222 đồng, nợ gốc còn lại là 89.999.778 đồng. Từ ngày 10/9/2018 đến nay Ngân hàng B đã nhiều lần yêu cầu ông T thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay cho Ngân hàng B nhưng ông T không thực hiện là đã vi phạm quy định tại Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng. Do đó, Ngân hàng B yêu cầu ông Lâm Văn T phải trả toàn bộ số nợ gốc và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn là có cơ sở chấp nhận.

Vì vậy nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 643, Điều 645, Điều 646 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng B , buộc bị đơn ông Lâm Văn T phải trả cho Ngân hàng B số tiền là 153.098.778 đồng (trong đó nợ gốc là 89.999.778 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.262.336 đồng và nợ lãi quá hạn là 45.836.290 đồng). Đồng thời, ông Lâm Văn T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Về án phí đề nghị buộc ông T phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Theo đơn khởi kiện thì nguyên đơn Ngân hàng B yêu cầu bị đơn ông Lâm Văn T trả số tiền vay theo hợp đồng tín dụng số HĐTD863201766 ký ngày 13/7/2017 nên đây là vụ kiện "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh. Đối với bị đơn ông Lâm Văn T là người có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng nhưng quá trình thực hiện nghĩa vụ đã thay đổi địa chỉ cư trú mà không thông báo cho phía Ngân hàng B biết; quá trình thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành niêm yết Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ nhiều lần nhưng ông T đều vắng mặt; tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn Ngân hàng B và bị đơn ông Lâm Văn T.

[2] Theo hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 và giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 thể hiện Ngân hàng B – Chi nhánh tỉnh Trà Vinh có cho ông Lâm Văn T vay số tiền gốc 150.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng, thời hạn vay 60 tháng, lãi suất vay hai bên thỏa thuận là 12%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, trả nợ gốc trong 60 kỳ, mỗi kỳ 2.500.000 đồng vào ngày 10 hàng tháng; kể từ ngày vay (09/9/2016) đến ngày 10/9/2018 thì ông T có trả được số tiền

gốc là gốc 60.000.222 đồng, lãi suất trong hạn là 29.596.056 đồng; dư nợ gốc đến ngày 17/9/2018 là 89.999.778 đồng. Nhận thấy, việc vay nợ của các bên có lập thành văn bản (hợp đồng) rõ ràng, quá trình thực hiện hợp đồng ông T có thực hiện một phần nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký và kể từ ngày 10/9/2018 thì ông T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay. Do đó, việc Ngân hàng B yêu cầu ông T phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng B theo hợp đồng tín dụng số số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 với tổng số tiền còn nợ tính đến ngày 30/6/2022 là 153.098.778 đồng (trong đó nợ gốc là 89.999.778 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.262.336 đồng và nợ lãi quá hạn là 45.836.290 đồng). Đồng thời, yêu cầu ông Lâm Văn T phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng B là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng B được chấp nhận nên bị đơn ông Lâm Văn T phải chịu án phí dân sự theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn Ngân hàng B không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn Ngân hàng B đã nộp.

[4] Quan điểm của Vị Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Cú là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 643, Điều 645, Điều 646 và Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần B.

Buộc ông Lâm Văn T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B số tiền 153.098.778 đồng (trong đó nợ gốc là 89.999.778 đồng, nợ lãi trong hạn là 17.262.336 đồng và nợ lãi quá hạn là 45.836.290 đồng).

Kể từ ngày 01/7/2022 cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1047-16/HĐTD-LPB.TV ký ngày 09/9/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần B tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông Lâm Văn T phải chịu 7.654.938 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng Thương mại cổ phần B không phải chịu án phí, hoàn trả lại cho Ngân hàng B số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước bằng 3.473.000 đồng theo biên lai thu số 00006147 ngày 12/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh.

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn và bị đơn báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Trà Cú;
- Chi cục THADS huyện Trà Cú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thạch Thuône